

Bản án số: 77/2023/HSST

Ngày 28/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN- TP. ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Trâm**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Sơn**

2. Ông **Nguyễn Dũng**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Quỳnh Trang**- Thư ký Tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn TP Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Thuý Liên** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 71/2023/HS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2023/QĐXXST - HS ngày 15 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Huỳnh Văn Tuấn T**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 07/10/1991, tại TP.Đà Nẵng;

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, Xã.T, TP.Phan Thiết, T.Bình Thuận;

Nơi ở: Khu N, Phường.Đ, Thị xã.Đ, T.Quảng Nam;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: LĐPT; Trình độ học vấn: 12/12;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 09/3/2023, bị Tòa án nhân Quận.S, TP.Đà Nẵng xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2023/HS-ST (hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an TP. Đà Nẵng).

Họ và tên cha: Huỳnh Văn T (đã chết);

Họ và tên mẹ: Phạm Thị H (đã chết);

Gia đình có hai chị em, bị cáo là con thứ hai;

Vợ: Lê Thị Yên N (SN: 1994; đã ly hôn);

Có 01 con (09 tuổi)

Bị cáo bị bắt ngày 13/11/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo Bản án

11/2023/HS-ST ngày 09/3/2023 của TAND quận S, Tp Đà Nẵng, Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Anh **Đoàn Ngọc T**, sinh năm: 1984. Trú: Số 87 đường N 5, tổ 36 phường K, quận N, TP Đà Nẵng. *Vắng mặt*.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Huỳnh Tấn K**, sinh năm: 1964. Trú: Thôn T, Xã Q, huyện C, Tỉnh. Đắk Lắk. *Vắng mặt*.

2. Chị **Phan Uyên T**, sinh năm: 2001. HKTT: TDP 3A, Thị trấn. Q, Huyện. C, Tỉnh. Đắk Lắk. Nơi ở: Chung cư N, phường M, quận S, TP Đà Nẵng. *Vắng mặt*.

3. Bà **Lê Thị T**, sinh năm: 1983. Trú: Số 87 đường N 5, tổ 36 phường K, quận N, TP Đà Nẵng. *Vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 3/2022, Huỳnh Văn Tuấn T có quan hệ tình cảm và chung sống cùng chị Phan Uyên T (SN: 2001; HKTT: TDT 3A, Thị trấn. Q, Huyện. C, T.Đắk Lắk) tại Chung cư N, Phường. M, Quận. S, TP.Đà Nẵng. Khoảng giữa tháng 4/2022, T mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda SH BKS 47H1-703.36 của chị T để đi về nhà tại Phường. Đ, Thị xã. Đ, T.Quảng Nam để thăm mẹ ruột bị đau nặng. Xe này do cậu ruột của chị T là ông Huỳnh Tuấn K (SN: 1964; trú: Xã. Q, Huyện. C, T.Đắk Lắk) mua tháng 12/2021, đứng tên Giấy đăng ký xe mô tô và giao cho chị T làm phương tiện đi lại. Vì là người yêu của nhau nên chị T đồng ý cho T mượn xe, giao chìa khóa và xe mô tô cho T đồng thời nói với T là giấy tờ có sẵn trong cốp xe. Sau đó, T điều khiển xe đi về nhà tại Quảng Nam. Lúc này, do nợ nần thiếu tiền nên T nảy sinh ý định đem xe mô tô mượn của chị T đi cầm lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân. Ngày hôm sau, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda SH BKS 47H1-703.36 ra lại TP.Đà Nẵng đến số nhà 87 đường N 5, Phường. K, Quận. N gặp anh Đoàn Ngọc T (SN: 1984; trú: Số 87 đường N 5, tổ 36 Phường. K, Quận. N, TP.Đà Nẵng) để cầm xe. Tại đây, T nói với anh T do có việc gia đình cần giải quyết gấp nên nhờ anh T cầm chiếc xe trên với giá 55.000.000 đồng. Tú đưa cho anh Tuấn 01 Giấy đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Honda SH BKS 47H1-703.36, Căn cước công dân và Giấy phép lái xe của T cho anh T xem. Sau khi anh T kiểm tra các giấy tờ thì thấy xe mô tô trên không phải của T nên có hỏi T nguồn gốc xe. T nói xe trên của ba vợ T là ông Lê Minh L (SN: 1970; trú: Tổ 25 Phường. H, Quận. N, TP.Đà Nẵng) mua lại của người khác, giấy tờ mua bán xe đã mất nên chưa sang lại tên và ông L đã cho lại xe trên cho chồng T để làm phương tiện đi lại. Do anh T trước đây có quen biết với ông L ba vợ của T và T đã nhiều lần cầm cố tài sản, có thanh toán đầy đủ, uy tín tại cửa hàng của anh T nên anh T tin tưởng xe trên là của T và đồng ý cầm xe cho T với giá 55.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5%/01 tháng nhưng không có viết giấy tờ cầm cố gì. Sau đó, anh T vào nhà lấy số tiền 55.000.000 đồng giao cho T, T giao xe và Giấy đăng ký xe mang tên Huỳnh Tuấn K, Căn cước công

dân và Giấy phép lái xe mang tên T cho anh T giữ làm tin. Khoảng 02 ngày sau, chị T hỏi T xe ở đâu thì T nói xe để ở nhà. Sợ chị T nghi ngờ việc T đã đem xe đi cầm nên T đến nhà gặp anh T và xin anh T cho mượn lại xe để về giải quyết việc gia đình, làm hòa với vợ nếu không vợ sẽ ly dị. Do tin tưởng T nên anh T đồng ý cho T mượn lại xe trên theo yêu cầu của T. T hẹn anh Tuấn sau 07 ngày sẽ đem xe đến trả và trả lại số tiền cầm cố với anh T. Sau đó, T đem xe mô tô trên về đưa cho T.

Khoảng vài ngày sau, anh T có gặp ông L thì được biết T đã ly hôn với con gái ông L từ lâu, ông L không biết và xe mô tô nhãn hiệu Honda SH BKS 47H1-703.36 cũng không phải ông L mua lại và cho T. Sau đó, anh T liên lạc với T yêu cầu đem xe và tiền trả lại cho anh T. Đến ngày 15/4/2022, T có đến nhà anh T nhưng nói không có tiền và không đem xe đến trả. Lúc này, anh T sợ mất tiền và xe nên yêu cầu T làm hợp đồng mua bán xe mô tô nêu trên giữa T và anh T với giá 55.000.000 đồng (nhưng do nhầm nên trong hợp đồng ghi giá mua bán 50.000.000 đồng) và làm 01 hợp đồng cho thuê xe với giá 120.000 đồng/01 ngày, thời hạn 07 ngày và cam kết đến 23/4/2022 T sẽ trả lại xe cho anh T.

Đến ngày 23/4/2022, anh T nhiều lần liên lạc với T để lấy lại xe nhưng không được nên đã tự mình đi tìm xe. Đến trưa ngày 25/4/2022, anh T đến căn hộ số 62 đường L, Phường. A, Quận. S, TP.Đà Nẵng để tìm xe và thấy xe mô tô nhãn hiệu Honda SH BKS 47H1- 703.36. Một lúc sau, chị Phan Uyên T từ căn hộ lấy xe ra để đi làm thì anh T đến yêu cầu chị T trả lại xe trên do xe trên T đã bán cho anh T. Chị T không rõ vụ việc gì xảy ra nên trình báo công an Phường. A, Quận. S, TP.Đà Nẵng đến giải quyết. Sau đó, Công an Phường. A, Quận. S, TP.Đà Nẵng xuống thu giữ xe mô tô nhãn hiệu Honda SH BKS 47H1- 703.36 về trụ sở và mời anh T, T và chị T về làm việc. Tại đây, chị T mới biết việc T mượn xe của chị T và đem cầm cố, sau đó làm hợp đồng mua bán xe cho anh T. Tiếp đó, anh T, T và chị T thỏa thuận trong 01 tuần T và chị T trả cho anh T số tiền 55.000.000 đồng và lấy xe về. Nhưng quá thời hạn 07 ngày theo thỏa thuận, T không trả tiền cho anh T, xe của chị T bị tạm giữ do chưa làm việc được với chủ sở hữu hợp pháp là ông K, nên chị T trình báo Cơ quan CSĐT Công an Quận. S, TP.Đà Nẵng giải quyết.

Ngày 30/5/2022, Cơ quan CSĐT Công an Quận. S, TP.Đà Nẵng tiếp nhận, thụ lý và giải quyết nguồn tin đối với vụ việc trên.

Tang vật thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH BKS 47H1-703.36.

Tại Kết luận định giá tài sản trong TTHS của UBND Quận. S xác định: giá trị tài sản đối với xe mô tô SH BKS 47H1-703.36 là 56.400.000 đồng.

Đến ngày 27/12/2022, Cơ quan CSĐT Công an Quận. S, TP. Đà Nẵng xác định vụ việc không có dấu hiệu của hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” mà có dấu hiệu của hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” xảy ra trên địa bàn Quận. N nên chuyển toàn bộ vụ việc trên đến Cơ quan CSĐT Công an Quận. N, TP.Đà Nẵng giải quyết theo quy định của pháp luật. Trước đó, vào ngày 12/11/2022, Huỳnh Văn Tuấn T bị Đoàn Biên phòng Sơn Trà bắt quả tang về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Qua điều tra, Huỳnh Văn Tuấn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Số tiền 55.000.000 đồng T lừa đảo chiếm đoạt được của anh T, T đã trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận N giữ nguyên quan điểm truy tố theo Bản cáo trạng số 73/CT-VKS-NHS ngày 12/9/2023 và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Huỳnh Văn Tuấn T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” đồng thời đề nghị:

- Áp dụng điểm c khoản 2 điều 174; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo **Huỳnh Văn Tuấn T** từ **02 năm đến 03 năm** tù. Căn cứ điều 56 BLHS để tổng hợp hình phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo Bản án số 11/2023/HS-ST ngày 09/3/2023 của TAND quận S, TP Đà Nẵng để buộc bị cáo phải chấp hành.

- **Xử lý vật chứng, đồ vật tạm giữ:**

- Cơ quan CSĐT Công an Quận. S, TP.Đà Nẵng đã trả lại xe mô tô nhãn hiệu Honda SH BKS 47H1-703.36 cho ông Huỳnh Tuấn K là có căn cứ.

- **Về phần dân sự:** Quá trình Huỳnh Văn Tuấn T bị bắt về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, T đã tác động gia đình bồi thường số tiền 55.000.000 đồng cho anh Đoàn Ngọc T. Anh Đoàn Ngọc T, chị Phan Uyên T và ông Huỳnh Tuấn K không có yêu cầu gì về dân sự nên không đề cập đến.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận gì với phần luận tội của Kiểm sát viên.

Ý kiến của người bị hại về hành vi phạm tội của bị cáo: xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình, có thái độ ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bị cáo Huỳnh Văn Tuấn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo, xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu điều tra thu thập đầy đủ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để xác định: Khoảng giữa tháng 04/2022, tại nhà số 87 đường N 5, Phường. K, Quận. N, TP. Đà Nẵng, Huỳnh Văn Tuấn T có hành vi đưa ra thông tin gian dối để cầm

cổ xe mô tô nhãn hiệu Honda SH BKS 47H1-703.36 không phải là tài sản của mình cho anh Đoàn Ngọc T để chiếm đoạt số tiền 55.000.000 đồng. Hành vi trên đây của bị cáo Huỳnh Văn Tuấn T đã phạm vào tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" quy định tại điểm c khoản 2 điều 174 của BLHS. Do đó cáo trạng số 73/CT-VKS- NHS ngày 12/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận N đã truy tố là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội thì thấy: Với mục đích chiếm đoạt tài sản để có tiền tiêu xài cho bản thân, bị cáo đã dùng những thủ đoạn gian dối nhằm đánh lừa chủ sở hữu tin tưởng mà đem giao tài sản cho mình, sau khi chiếm đoạt được tài sản bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo nhận thức được hành vi trên là hành vi vi phạm pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm và trừng trị nghiêm khắc, thế nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Bị cáo thực hiện dưới hình thức lừa dối trực tiếp, vì mục đích vụ lợi.

Hành vi phạm tội của bị cáo T là hành vi nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân đây là một trong những khách thể quan trọng luôn được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng nói chung và quận N nói riêng, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 09/3/2023, bị Tòa án nhân dân Quận. S, TP.Đà Nẵng xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2023/HS-ST (hiện đang chấp hành án tại Trại giam Công an TP.Đà Nẵng). Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo cũng đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại; người bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Về biện pháp chấp hành hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Đã áp dụng hình phạt chính là hình phạt tù nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường số tiền 55.000.000 đồng cho anh Đoàn Ngọc T. Anh Đoàn Ngọc T, chị Phan Uyên T và ông Huỳnh Tuấn K không có yêu cầu gì về dân sự nên không đề cập đến.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an Quận. S, TP.Đà Nẵng đã trả lại xe mô tô nhãn hiệu Honda SH BKS 47H1-703.36 cho ông Huỳnh Tuấn K là có căn cứ nên không đề cập đến.

Xét các nội dung đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận N về tội danh, điều khoản luật và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần áp

dụng đối với bị cáo tại phiên tòa cơ bản phù hợp các nhận định của Hội đồng xét xử.

[9] Án phí HSST: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Huỳnh Văn Tuấn T** phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

1. Căn cứ: Điểm c Khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo **Huỳnh Văn Tuấn T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng** tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bị bắt ngày 13/11/2022.

Căn cứ Điều 56 BLHS để tổng hợp hình phạt **01 (Một) năm 03 (Ba) tháng** tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại Bản án số 11/2023/HSST ngày 09/3/2023 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là **03 (Ba) năm 09 (chín) tháng** tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/11/2022.

2. Án phí HSST: Bị cáo Huỳnh Văn Tuấn T phải chịu **200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng)**

Án xử công khai, bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- Viện kiểm sát nhân dân quận N;
- Công an quận N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ TRÂM